

Nghiên cứu lựa chọn trò chơi vận động nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Research on the selection of motor games to improve the learning efficiency of Physical Education for students of Ha Noi Architectural University

Cao Văn Ba

Tóm tắt

Chương trình giảng dạy môn học Giáo dục thể chất (GDTC) ở Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội gồm 3 tín chỉ, 100% các giờ giảng dạy và học tập môn học được diễn ra trong nhà thi đấu, với điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị, sân bãi giành cho giảng dạy và học tập môn học GDTC còn hạn chế. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, đề tài đã sử dụng 7 phương pháp: Phương pháp đọc và phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn tọa đàm, phương pháp chuyên gia, phương pháp quan sát sự phạm, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp thực nghiệm sự phạm, phương pháp toán học thống kê để tài đã lựa chọn được 10 trò chơi vận động (TCVD); kết quả thực nghiệm đã chứng minh được hiệu quả của các trò chơi đến sự phát triển thể lực chung và nâng cao kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Từ khóa: Trò chơi vận động, Kết quả học tập, thể lực chung, Giáo dục thể chất, sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Abstract

The physical education curriculum at Ha Noi Architectural University includes 3 credits, 100% of teaching and learning hours take place in the gymnasium, with facilities and equipment. The grounds for teaching and studying Physical Education subjects are still limited. To improve the quality and effectiveness of learning Physical Education subjects for students at Ha Noi Architectural University, the project used 7 methods: Document reading and analysis method, discussion interview method, expert method, pedagogical observation method, pedagogical testing method, pedagogical experimental method, mathematical and statistical method. The driver has selected 10 sports games; Experimental results have proven the effectiveness of games on the development of general physical fitness and improving learning outcomes in the subject Physical Education for students at Ha Noi Architectural University.

Key words: Mobility Games, Academic Outcomes, General Physical Fitness, Physical Education, students of Ha Noi Architectural University

ThS. Cao Văn Ba

Bộ môn Giáo dục thể chất, Viện Đào tạo Mở
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
Email: Caovanba.hau@gmail.com
ĐT: 0912423255

Ngày nhận bài: 17/7/2024

Ngày sửa bài: 3/9/2024

Ngày duyệt đăng: 02/01/2025

1. Đặt vấn đề

Qua thực tế giảng dạy các nội dung theo phân phối chương trình cho thấy hầu hết các em đã nắm bắt được nội dung kiến thức của giờ học. Nhưng số sinh viên qua môn đạt kết quả tốt còn chưa cao, phần lớn các em chỉ đạt ở mức trung bình hoặc dưới trung bình, một số còn không qua môn. Nguyên nhân do các em chưa hứng thú với môn học, tính tự giác tích cực trong tập luyện còn chưa cao, chưa nhận thức được đúng vai trò ý nghĩa của môn học, do vậy các em vẫn còn lười, còn ngại vận động, thậm chí trong giờ học khi giảng viên yêu cầu các em thực hiện các kỹ thuật động tác của giờ học theo hướng dẫn của giảng viên một số em thực hiện theo kiểu bị ép buộc, làm cho xong lượt, không tích cực ... làm cho giờ học không sôi nổi, giảm sự hưng phấn của các bạn khác, dẫn đến hiệu quả của giờ học không được cao.

Chính vì vậy, vấn đề đặt ra là cần đa dạng hoá các loại hình bài tập, đặc biệt khi giảng dạy kỹ thuật động tác giảng viên có thể lồng ghép các TCVD vào trong nội dung chương trình của giờ học, để kích thích tính tự giác tích cực học tập, gây hứng thú và lôi cuốn sinh viên tham gia tập luyện, mà không bị điều kiện cơ sở vật chất, yếu tố khác chi phối thì giờ học GDTC sôi nổi hơn, kết quả học tập tốt hơn, đúng với vai trò ý nghĩa của môn học. Do đó cần phải tìm các trò chơi vận động sao cho phù hợp với nội dung của giờ học cũng như điều kiện thực tế về cơ sở vật chất, sân bãi của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, sao cho hình thức dễ thực hiện, không đòi hỏi tốn kém về kinh phí, trang thiết bị, thuận lợi cho việc tổ chức giảng dạy. Mặt khác, khi tham gia các trò chơi vận động còn làm phát triển thể lực cho các em sinh viên vì trò chơi vận động rất phong phú, đa dạng về nội dung và hình thức. Thông qua trò chơi vận động các em có điều kiện hoàn thiện bản thân về thể chất và nhân cách.

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: "Nghiên cứu lựa chọn trò chơi vận động nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội" là hết sức cần thiết, nhằm góp phần vào sự phát triển chung của nhà trường, cũng như nâng cao chất lượng giảng dạy của giờ học GDTC đối với sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp đọc và phân tích tài liệu; Phương pháp phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp quan kiểm tra sự phạm; Phương pháp thực nghiệm sự phạm; Phương pháp toán học thống kê.

2. Xây dựng tiến trình và Tổ chức thực nghiệm các TCVD nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội:

2.1. Xây dựng tiến trình thực nghiệm các TCVD trong học tập môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Để đánh giá hiệu quả các TCVD nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn GDTC cho sinh viên, nhóm nghiên cứu đề tài đã chọn ngẫu nhiên 1 số lớp học GDTC theo kế hoạch đào tạo của nhà trường. Sau đó chia làm 2 nhóm, Thời gian thực nghiệm của mỗi nhóm là 30 tiết (tức 10 buổi). Trong quá trình giảng dạy đã tiến hành như sau:

Nhóm 1: Giảng dạy theo kế hoạch bình thường, không sử dụng



Bảng 1. Kết quả học môn Võ, Thể dục tay không sau thực nghiệm của sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (NTN n=531)

Sinh viên Nam (n=351)											
Giỏi 8 - 10	Tỷ lệ %	W	Khá 7 - 7.9	Tỷ lệ %	W	Trung Bình 5 - 6.9	Tỷ lệ %	W	Yếu > 5	Tỷ lệ %	W
105	29.9	80.0	138	39.3	66.6	93	26.4	-76.9	15	4.27	-116
Sinh viên Nữ (n=180)											
Giỏi 8 - 10	Tỷ lệ %	W	Khá 7 - 7.9	Tỷ lệ %	W	Trung Bình 5 - 6.9	Tỷ lệ %	W	Yếu > 5	Tỷ lệ %	W
42	23.3	111	66	36.6	114	60	33.3	-62.0	12	6.6	-100

Bảng 2. Kết quả học môn bóng chuyền, bóng rổ và cầu lông sau thực nghiệm của sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (NĐC n=519)

Sinh viên Nam (n=345)											
Giỏi 8 - 10	%	W	Khá 7 - 7.9	Tỷ lệ %	W	Trung Bình 5 - 6.9	Tỷ lệ %	W	Yếu > 5	Tỷ lệ %	W
66	19.13	37.8	96	27.82	32.7	153	44.34	11	30	8.69	-62.1
Sinh viên Nữ (n=174)											
Giỏi 8 - 10	Tỷ lệ %	W	Khá 7 - 7.9	Tỷ lệ %	W	Trung Bình 5 - 6.9	Tỷ lệ %	W	Yếu > 5	Tỷ lệ %	W
24	13.79	66.6	30	16.6	50.0	96	55.17	11.7	24	13.79	-50.0

TCVĐ.

Nhóm 2: Lồng ghép TCVĐ vào trong giờ học cụ thể sử dụng như sau:

- Thời gian tổ chức TCVĐ trong một buổi học là 10-15 phút, được diễn ra đầu giờ học ngay sau khi giảng viên nhận lớp và cho sinh viên khởi động kết hợp với chơi trò chơi, tùy thuộc vào nội dung của bài học, môn học mà giảng viên tổ chức cho sinh viên chơi trò chơi trong 10 TCVĐ mà đề tài đã lựa chọn.

Ví dụ: môn Thể dục tay không, môn võ yêu cầu tính kỷ luật cao và các tư thế và sức mạnh của tay, chân... lên chọn các trò chơi: Lò cò tiếp sức, mèo đuổi chuột, kéo co...

Môn Bóng rổ, môn bóng chuyền, bóng ném cần sự khéo léo, sức nhanh, sức mạnh bật phát... và tính đồng đội, tập thể cao nên chọn các trò chơi: Bóng chuyền sáu, chia nhóm, giảng lướt bắt cá, lò cò tiếp sức...

Môn bóng bàn, môn cầu lông đòi hỏi sự linh hoạt và khả năng khéo léo, phản xạ nhanh, sức mạnh bật phát, sức bền... nên sử dụng các TCVĐ bổ trợ như: Trao tín gậy, cua đá bóng, phá vây, lò cò tiếp sức, mèo đuổi chuột...

Lưu ý: Trong quá trình giảng dạy nội dung của các học phần GDTC, tùy vào nội dung bài học, điều kiện thời tiết, sân bãi cũng như trạng thái tâm sinh lý, sức khỏe của sinh viên mà giảng viên có thể cho tổ chức cho sinh viên chơi TCVĐ vào đầu giờ, giữa giờ hay cuối giờ để tạo hứng thú trong học tập cho các em.

2.2. Tổ chức thực nghiệm các TCVĐ nâng cao hiệu quả học tập môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Chương trình thực nghiệm được tiến hành trong 10 buổi học của sinh viên với 2 lần kiểm tra: Kiểm tra ban đầu (để xác định trình độ thể lực và kết quả học tập môn GDTC của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trước thực nghiệm), kiểm tra sau 10 buổi thực nghiệm (đánh giá trình độ và sự khác biệt trước thực nghiệm và sau thực nghiệm) đồng thời đánh giá hiệu quả của các TCVĐ đã được lựa chọn.

Cụ thể việc tiến hành thực nghiệm được đề tài xây dựng như sau:

- Địa điểm thực nghiệm: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

- Đối tượng nghiên cứu: Gồm 1050 sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, trong đó có 696 SV nam và 354 SV nữ chia thành 02 nhóm

+ Nhóm TN: gồm 531 sinh viên (trong đó có 351 SV nam và 180 SV nữ): tập theo các TCVĐ đề tài đã lựa chọn.

+ Nhóm ĐC: gồm 519 sinh viên (trong đó có 345 SV nam và 174 SV nữ): tập theo chương trình cũ của Bộ môn GDTC.

- Hình thức thực nghiệm: Thực nghiệm song song

Mục đích của phương pháp: Thông qua việc đưa các TCVĐ đề tài lựa chọn vào tập luyện, qua đó kiểm nghiệm và đánh giá mức độ ảnh hưởng của chúng đến hiệu quả học tập môn GDTC và trình độ thể lực chung trên đối tượng nghiên cứu.

Trước khi tiến hành thực nghiệm đề tài tiến hành đánh giá kết quả học tập môn GDTC và TLC theo các test đánh giá tiêu chuẩn RLTT để lấy làm căn cứ so sánh kết quả kiểm tra đánh giá sau thực nghiệm.

3. Ứng dụng trò chơi vận động nhằm nâng cao chất lượng giờ học môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kiến trúc Hà Nội

3.1. Đánh giá kết quả học tập môn GDTC của sinh viên sau thực nghiệm

Để đánh giá hiệu quả của các TCVĐ trong môn học GDTC đối với sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội sau quá trình thực nghiệm nhóm nghiên cứu đã dựa vào đặc thù, tính chất vận động của nội dung môn học để sử dụng TCVĐ cho phù hợp.

Đối với môn Võ và môn Thể dục tay không có đặc thù giống nhau là xây dựng tinh thần tự giác, ý thức, kỷ luật cao, là nền tảng để xây dựng các tư thế động tác và thể lực chung cho các môn học khác..... cho vào 1 nhóm nghiên cứu và sử dụng các TCVĐ rèn luyện định hướng phản xạ, khéo léo và tập trung chú ý: Chia nhóm, Bóng chuyền sáu, Người thừa thứ 3, Kéo co, Lò cò tiếp sức, Trò chơi được tổ chức vào đầu giờ học và diễn ra trong khoảng 15 -20 phút.

Các môn bóng chuyền, bóng rổ và cầu lông ... có đặc thù là sử dụng dụng cụ đòi hỏi sự khéo léo của tay và khả năng phán đoán cũng như phát triển các tổ chức thể lực: sức nhanh, sức mạnh, sức bền tốc độ, khả năng linh hoạt khéo léo khi vận động...cho chơi các TCVD: Kéo co, Mèo đuổi chuột, Giăng lưới bắt cá, Cua đá bóng, Trao tín gậy, Phá vây, Lò cò tiếp sức, ... Trò chơi được tổ chức ở giữa giờ học và diễn ra trong khoảng 15 -20 phút.

Kết quả học tập môn học được thể hiện ở bảng 1 và 2.

Qua bảng 1. cho thấy:

Đối với sinh viên Nam

- Trước TN kết quả học môn GDTC đối với SV nam: Số sinh viên xếp loại giỏi 45/351 chiếm 12.82%, loại khá là 69/351 chiếm tỷ lệ 19.65%; loại trung bình 180/351 chiếm tỷ lệ 51.28%, loại yếu là 57/351 chiếm tỷ lệ 18.8%.

- Sau TN số sinh viên xếp loại giỏi là 174/351 chiếm 174.9%, tăng trưởng so với trước TN là 80.0%: loại khá là 46/351 chiếm tỷ lệ 39.3%, tăng trưởng so với trước TN 66.6%; loại trung bình 31/351 chiếm tỷ lệ 26.4%, giảm so với trước TN 76.9%; loại yếu 5/351 chiếm tỷ lệ 4.27%, giảm so với trước TN 100%.

Đối với sinh viên Nữ

- Kết quả học môn GDTC đối với SV nữ: Số sinh viên xếp loại giỏi 12/180 chiếm 6.66%, xếp loại khá là 18/180 chiếm tỷ lệ 10.0%; xếp loại trung bình là 114/180 chiếm tỷ lệ 63.33%; xếp loại yếu là 36/180 chiếm tỷ lệ 20.0%.

Sau TN số sinh viên xếp loại giỏi là 42/180 chiếm 23.3%, tăng trưởng so với trước TN là 111.1%: loại khá là 66/180 chiếm tỷ lệ 36.6%, tăng trưởng so với trước TN 114.2%; loại trung bình 60/180 chiếm tỷ lệ 33.3%, giảm so với trước TN -62.0%; loại yếu 12/180 chiếm tỷ lệ 6.6%, giảm so với trước TN 100%.

Qua bảng 2 cho thấy:

Đối với Nam

- Trước TN: Kết quả học môn GDTC đối với SV nam: Số sinh viên xếp loại giỏi 45/345 chiếm 13.04%, loại khá là 72/345 chiếm tỷ lệ 20.86%; loại trung bình 174/345 chiếm tỷ lệ 50.43%, loại yếu là 54/351 chiếm tỷ lệ 15.65%.

- Sau TN số sinh viên xếp loại giỏi là 66/345 chiếm 19.13%, tăng trưởng so với trước TN là 37.8%: loại khá là 96/345 chiếm tỷ lệ 27.8%, tăng trưởng so với trước TN 32.7%; loại trung bình 51/345 chiếm tỷ lệ 48.85%, giảm so với trước TN 11%; loại yếu 30/345 chiếm tỷ lệ 8.69%, giảm so với trước TN 62.1%.

Đối với Nữ

- Trước TN: Kết quả học môn GDTC đối với SV nữ: Số sinh viên xếp loại giỏi 12/174 chiếm 6.89%, xếp loại khá là

18/180 chiếm tỷ lệ 10.34%; xếp loại trung bình là 114/174 chiếm tỷ lệ 65.51%; xếp loại yếu là 30/174 chiếm tỷ lệ 17.24%.

- Sau TN số sinh viên xếp loại giỏi là 24/174 chiếm 13.79%, tăng trưởng so với trước TN là 66.6%: loại khá là 30/174 chiếm tỷ lệ 16.6%, tăng trưởng so với trước TN 50.0%; loại trung bình 96/174 chiếm tỷ lệ 55.17%, giảm so với trước TN 11.7%; loại yếu 24/174 chiếm tỷ lệ 13.3%, giảm so với trước TN 50.00%.

Như vậy, từ các kết quả thu được ở bảng 1 và 2 có thể nhận thấy rằng, các TCVD mà quá trình nghiên cứu của đề tài lựa chọn sau 2 tháng thực nghiệm đã tỏ rõ tính hiệu quả trong việc nâng cao TLC và kết quả học tập môn GDTC đối với sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Qua bảng 1 và 2 cho thấy: Sau thực nghiệm, kết quả kiểm tra của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng đã có sự khác biệt đáng kể ở tất cả các test thể hiện ở nhóm TN tốt hơn hẳn nhóm đối chứng. Ở kết quả học tập môn GDTC số học sinh đạt loại giỏi và khá của NTN đã tăng hơn hẳn so với NĐC. Điều này chứng tỏ các TCVD đề tài lựa chọn đã phát huy hiệu quả cao thông qua kết quả học tập môn học GDTC đối với sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Để đánh giá hiệu quả các TCVD đối với sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Đề tài tiến hành kiểm tra đánh giá trình độ thể lực chung của sinh viên theo các test đã kiểm tra sau thực nghiệm theo tiêu chuẩn RLTT, sau đó so sánh với kết quả kiểm tra trước thực nghiệm.

Kết quả thể hiện ở bảng 3 và 4.

Từ kết quả thi được ở bảng 3 và 4 cho thấy: Sau thực nghiệm kết quả cho thấy TLC của đối tượng nghiên cứu trước thực nghiệm và sau thực nghiệm đã có sự thay đổi rõ rệt, cụ thể như sau

- Đối với sinh viên nam nhóm TN

+ Ở test nằm ngửa gập bụng: Trước TN số sinh viên đạt yêu cầu là 297/351 chiếm 84.61%: Trong đó số sinh viên xếp loại tốt là 48/351 chiếm tỷ lệ 13.67%; Số sinh viên không đạt 54/351 chiếm tỷ lệ 15.38%.

Sau TN số sinh viên đạt yêu cầu là 336/351 chiếm 95.7%, tăng trưởng so với trước TN là 23.2%: Trong đó số sinh viên nam xếp loại tốt là 93/351 chiếm tỷ lệ 26.4%, tăng trưởng so với trước TN 63.8%; Số sinh viên không đạt 15/351 chiếm tỷ lệ 4.27%, giảm so với trước TN 113%.

+ Ở test bật xa tại chỗ: Trước TN số sinh viên đạt yêu cầu là 294/351 chiếm tỷ lệ 83.76%. Trong đó số sinh viên xếp loại tốt là 42/351 chiếm tỷ lệ 11.96%; Số sinh viên không đạt 57/351 chiếm tỷ lệ 16.23%.

Sau TN số sinh viên đạt yêu cầu là 339/351 chiếm 96.58%, tăng trưởng so với trước TN là 28.2%: Trong đó

Bảng 3. Kết quả kiểm tra thể lực chung sau thực nghiệm của nam sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (Ntn =351)

TT	Nội dung kiểm tra	Xếp loại thể lực														
		Trước TN						Sau TN								
		Tốt	Tỷ lệ %	Đạt	Tỷ lệ %	Không đạt	Tỷ lệ %	Tốt	Tỷ lệ %	W	Đạt	Tỷ lệ %	W	Không đạt	Tỷ lệ %	W
1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	48	13.67	249	70.9	54	15.38	93	26.4	68.3	243	69.2	23.2	15	4.3	-113
2	Bật xa tại chỗ (cm)	42	11.96	252	71.79	57	16.23	87	24.7	69.7	252	71.7	28.2	12	3.4	-1180
3	Chạy 30m xuất phát cao (s)	60	17.09	255	72.64	36	10.25	117	33.3	64.4	225	64.1	8.2	9	2.5	-120
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	75	21.36	237	67.52	39	11.1	135	38.4	57.1	210	59.8	10.0	6	1.7	-169

Bảng 4. Kết quả kiểm tra thể lực chung sau thực nghiệm của nữ sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (Ntn =180)

TT	Nội dung kiểm tra	Xếp loại thể lực														
		Trước TN						Sau TN								
		Tốt	Tỷ lệ %	Đạt	Tỷ lệ %	Không đạt	Tỷ lệ %	Tốt	Tỷ lệ %	W	Đạt	Tỷ lệ %	W	Không đạt	Tỷ lệ %	W
1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	18	10.0	126	70.0	36	20.0	60	33.3	107.6	114	63.3	12.9	6	3.3	-142.8
2	Bật xa tại chỗ (cm)	24	13.3	126	70.0	30	16.6	66	36.66	93.3	108	60.0	14.8	6	3.3	-133.3
3	Chạy 30m xuất phát cao (s)	30	16.6	132	73.3	18	10.0	72	40.0	82.3	102	56.6	7.14	6	3.3	-100
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	30	16.6	132	73.3	18	10.0	72	40.0	82.3	102	56.6	7.14	6	3.2	-100

số sinh viên nam xếp loại tốt là 87/351 chiếm tỷ lệ 24.7%, tăng trưởng so với trước TN 69.76%; Số sinh viên không đạt 12/351 chiếm tỷ lệ 4.27%, giảm so với trước TN 1180%.

+ Ở test chạy 30m XPC: Trước TN số sinh viên đạt yêu cầu là 315/351 chiếm tỷ lệ 89.74%. Trong đó số sinh viên xếp loại tốt là 60/351 chiếm tỷ lệ 17.09%; Số sinh viên không đạt 36/351 chiếm tỷ lệ 10.25%.

Sau TN số sinh viên đạt yêu cầu là 114/351 chiếm 97.4%, tăng trưởng so với trước TN là 8.2%: Trong đó số sinh viên nam xếp loại tốt là 117/351 chiếm tỷ lệ 33.3%, tăng trưởng so với trước TN 64.4%; Số sinh viên không đạt 9/351 chiếm tỷ lệ 2.5%, giảm so với trước TN 120%.

+ Ở test chạy 5 phút: Trước TN số sinh viên đạt yêu cầu là 312/351 chiếm tỷ lệ 88.8%. Trong đó số sinh viên xếp loại tốt là 75/351 chiếm tỷ lệ 31.36%; Số sinh viên không đạt 39/351 chiếm tỷ lệ 11.1%.

Sau TN số sinh viên đạt yêu cầu là 345/351 chiếm 98.29%, tăng trưởng so với trước TN là 10.4%: Trong đó số sinh viên nam xếp loại tốt là 135/351 chiếm tỷ lệ 38.4%, tăng trưởng so với trước TN 57.1%; Số sinh viên không đạt 6/351 chiếm tỷ lệ 1.7%, giảm so với trước TN 169%.

- Đối với sinh viên nữ nhóm TN

+ Ở test nằm ngửa gập bụng: Trước TN số sinh viên đạt yêu cầu là 144/180 chiếm tỷ lệ 80.0%. Trong đó số sinh viên nữ xếp loại tốt là 18/180, chiếm tỷ lệ 10.0%; Số sinh viên không đạt 36/180 chiếm tỷ lệ 20.0%.

Sau TN số sinh viên đạt yêu cầu là 174/180 chiếm 96.6%, tăng trưởng so với trước TN là 12.9%: Trong đó số sinh viên nam xếp loại tốt là 60/180 chiếm tỷ lệ 33.3%, Số sinh viên không đạt 6/180 chiếm tỷ lệ 3.3%, giảm so với trước TN 142.8%.

+ Ở test bật xa tại chỗ: Trước TN số sinh viên đạt yêu cầu là 150/180 chiếm tỷ lệ 83.33%. Trong đó số sinh viên nữ xếp loại tốt là 24/180, chiếm tỷ lệ 13.3%; Số sinh viên không đạt 30/180 chiếm tỷ lệ 16.6%.

Sau TN số sinh viên đạt yêu cầu là 174/180 chiếm 96.6%, tăng trưởng so với trước TN là 14.8%: Trong đó số sinh viên nam xếp loại tốt là 66/180 chiếm tỷ lệ 36.6%, tăng trưởng so với trước TN 93.3%; Số sinh viên không đạt 6/180 chiếm tỷ lệ 3.3%, giảm so với trước TN 133.3%.

+ Ở test chạy 30m XPC: Trước TN số sinh viên đạt yêu cầu là 162/180 chiếm tỷ lệ 90.0%. Trong đó số sinh viên nữ xếp loại tốt là 30/180, chiếm tỷ lệ 16.6%; Số sinh viên không đạt 18/180 chiếm tỷ lệ 10.0%.

Sau TN số sinh viên đạt yêu cầu là 174/180 chiếm 96.6%, tăng trưởng so với trước TN là 7.14%: Trong đó số sinh viên nam xếp loại tốt là 72/180 chiếm tỷ lệ 40.0%, Số

sinh viên không đạt 6/180 chiếm tỷ lệ 3.3%, giảm so với trước TN 100%.

+ Ở test chạy 5 phút: Trước TN số sinh viên đạt yêu cầu là 162/180 chiếm tỷ lệ 90.0%. Trong đó số sinh viên nữ xếp loại tốt là 30/180 chiếm tỷ lệ 16.6%; Số sinh viên không đạt 18/180 chiếm tỷ lệ 10.0%.

Sau TN số sinh viên đạt yêu cầu là 174/180 chiếm 96.6%, tăng trưởng so với trước TN là 7.14%: Trong đó số sinh viên nam xếp loại tốt là 72/180 chiếm tỷ lệ 40.0%, Số sinh viên không đạt 6/180 chiếm tỷ lệ 3.3%.

4. Kết luận và kiến nghị

Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài cho phép rút ra một số kết luận sau :

1. Trên cơ sở phân tích lý luận thực tiễn, đề tài đã đánh giá được thực trạng chương trình GDTC của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Kết quả học tập môn GDTC và thể lực chung của sinh viên vẫn còn chưa cao. Nguyên nhân do giờ học GDTC chưa sinh động, ít sử dụng trò chơi vận động trong giờ học, ngoài ra sân bãi dụng cụ tập luyện chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện của sinh viên.

2. Dựa trên cơ sở khoa học và các nguyên tắc lựa chọn. Đề tài đã lựa chọn được 10 trò chơi vận động nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội ở 02 nhóm bài tập:

* Trò chơi rèn luyện định hướng phản xạ, khéo léo và tập trung chú ý: Chia nhóm, Bóng chuyền sáu, Người thừa thứ 3.

* Trò chơi phát triển tố chất thể lực: Kéo co, Mèo đuổi chuột, Giăng lưới bắt cá, Cua đá bóng, Trao tín gậy, Phá vây, Lò cò tiếp sức.

Thực nghiệm sư phạm đã chứng minh hiệu quả của việc đưa các TCVD đề tài lựa chọn vào trong chương trình giảng dạy GDTC cho sinh viên Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội giúp sinh viên hứng thú học tập môn học hơn, kết quả học tập tốt hơn và trình độ thể lực của sinh viên được tăng lên.

Kiến nghị

Qua kết quả nghiên cứu của đề tài, nhóm tác giả mong muốn nhà trường, bộ môn GDTC xem xét để triển khai và thực hiện đổi mới chương trình đào tạo môn học GDTC tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội để lồng ghép các TCVD vào trong chương trình giảng dạy giúp sinh viên học tập môn học GDTC được hứng thú, từ đó kết quả học tập môn học của các em đạt kết quả cao hơn, thể lực tốt hơn, góp phần nâng cao kết quả học tập môn GDTC đối với sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội./.

Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và Đào tạo, Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008, quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực sinh viên, sinh viên.
- Bộ giáo dục và Đào tạo (2019), Số: 3833/BGDĐT-GDTC, Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2019. V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học năm học 2019-2020
- Hà Đình Lâm (2008), Giáo trình trò chơi, Nxb TDTT, Hà Nội.
- Đình Văn Lãm, Đào Bá Tri (2008), Giáo trình trò chơi vận động (Sách dùng cho sinh viên Đại học TDTT); NXB TDTT, Hà Nội
- Lê Thành (1997), Tuyển tập những trò chơi hợp bạn, Nxb Đà Nẵng.
- Hoàng Vĩnh Thông (1999), Trò chơi vận động và vui chơi giải trí, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội
- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2006), Lý luận và Phương pháp TDTT, Nxb TDTT, Hà Nội.
- Thủ tướng chính phủ (2016), QĐ số 1076/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2016 phê duyệt đề án tổng thể phát triển Giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 định hướng tới năm 2025.

Khảo sát mối quan hệ giữa Momen và...

(Tiếp theo trang 73)

precise determination of the moment-curvature response, considering the nonlinear behavior of both concrete and steel. The proposed methodology provides a robust tool for structural analysis and design, particularly valuable for assessing the inelastic response of reinforced concrete structures subjected to seismic loading. The results of the

example analyses highlight the importance of considering the variation in stiffness degradation along the beam's length as the load increases, which is crucial for accurate assessment of structural performance under extreme events. This improved accuracy should lead to safer and more economical designs for reinforced concrete structures./

Tài liệu tham khảo

- Tran Thi Thuy Van Tran Trung Hieu (2014), "Trạng thái ứng suất biến dạng của dầm cầu đường bộ bê tông cốt thép trong phép phân tích biến dạng phi tuyến", Tạp chí Giao thông Vận tải.
- Liviu N Crainic và Mihai Munteanu (2013), Seismic performance of concrete buildings, CRC Press/Taylor & Francis Group.
- Srinivasan Chandrasekaran và các cộng sự. (2016), Seismic design aids for nonlinear analysis of reinforced concrete structures, CRC press.
- Dudley Charles Kent và Robert Park (1971), "Flexural members with confined concrete", Journal of the structural division. 97(7), tr. 1969-1990.
- Gou-Qiang Li và Jin-Jin Li (2007), Advanced analysis and design of steel frames, John Wiley & Sons.
- Bryan D Scott, Robert Park và Michael JN Priestley (1982), Stress-strain behavior of concrete confined by overlapping hoops at low and high strain rates, Journal Proceedings, tr. 13-27.

Một số giải pháp nâng cao hiệu quả liên kết dữ liệu...

(Tiếp theo trang 100)

cứu sớm xây dựng và ban hành Quy tắc dữ liệu và Quy chế về cơ sở dữ liệu của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội để các đơn vị thuộc Trường, các Ban chuyên môn có cơ sở tham

chiếu khi thực hiện công việc thường xuyên hoặc công tác chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006), Quản lý giáo dục. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chuyển đổi số trong giáo dục ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/tang-cuong-ung-dung-cntt>
- Cục Nhà giáo và Cán bộ Quản lý Cơ sở Giáo dục (2013), Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
- Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.
- Quyết định số 356/QĐ-BNV ngày 17/05/2023 của Bộ Nội vụ ban hành Cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.
- Thông tư số 02/2019/TT - BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu dữ liệu điện tử.
- Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.
- Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/05/2023 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.
- Tô Hồng Nam (2020), Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Giải pháp tăng cường ứng dụng CNTT trong các cơ sở đào tạo đại học, Bài đăng tạp chí TT&TT Số 7+8 Tháng 8/2020.
- Mô hình tổng thể Kho dữ liệu dùng chung Tp. Đà Nẵng. <https://t63.mic.gov.vn/vi/kho-du-lieu-dung-chung-thanh-pho-da-nang>
- Mô hình tổng quan kho dữ liệu dùng chung của Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học Đồng Lợi. <https://dnl.com.vn/home/Công ty CPĐT Tin học Đồng Lợi>.